TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2023/DS-PT
Ngày: 17/5/2023.
V/v tranh chấp: "*Đòi tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu.

Bà Nguyễn Thanh Nhàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Mơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Ông Võ Trung Hiếu, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 363/2022/TLPT-DS ngày 24/11/2022 về việc tranh chấp: "Đòi tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 171/2022/DSST, ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 461/2022/QĐ-PT ngày 13/12/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1949;
Hộ khẩu thường trú: số F, ấp M, xã T, huyện H, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: số D, đường H, ấp T, xã T, huyện H, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979;
Địa chỉ: số A, đường L, Phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Công an tỉnh T;
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T1 - Chức vụ: Phó Trưởng phòng cảnh sát Cơ động Công an tỉnh T;(có mặt)
Địa chỉ: số A, đường Đ, Phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Lại Ngọc Q, sinh năm 1959; (vắng mặt)
Địa chỉ: số G, đường C, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Đinh Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Văn T là bà Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Tháng 8/1989, Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T có 02 tàu cá khai thác hải sản vi phạm Hải phận M và bị bắt giữ. Khi Bộ N2 xác minh thì 02 tàu cá của Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T được giao trả và phải chịu nộp phạt là 100.000 USD. Số tiền này, Bộ N2 đã ứng trả trước nên ông Phan Thành S (Trưởng Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T) đã mang theo bức điện khẩn và nhờ ông Đinh Văn T giúp đỡ cho Phòng C - Công an tỉnh T mượn số tiền là 467.235.000 đồng, ông Lại Ngọc Q là người nhận tiền;

Sau đó, Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T có trả cho ông T bằng lúa là 588.415kg, thành tiền là 235.366.000đồng, còn nợ lại 231.869.000đồng. Hai bên có đối chiếu công nợ do Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh C xác định theo Bản kết luận số 75 ngày 01/7/1991. Ông T phải chấp hành bản án hình sự với hình phạt 18 năm tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản công dân". Gia đình ông T nhiều lần liên hệ với ông Phan Thành S để được giải quyết số tiền Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T còn nợ ông T nhưng chưa được giải quyết. Năm 2000, ông T được đặc xá về trước thời hạn nhưng ông Phan Thành S đã chết vì bệnh hiểm nghèo;

Ông Đinh Văn T yêu cầu Công an tỉnh T phải trả cho ông T số tiền Phòng cảnh sát bảo vệ - Công an tỉnh T còn nợ là 231.869.000 đồng và tiền lãi được tính theo lãi suất là 0,75%/tháng tính từ ngày 01/7/1991 (theo bản kết luận điều tra) đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 06/5/2019 là 329 tháng (1.739.017 đồng/tháng x 329 tháng) là 572.136.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi tạm tính là 804.005.000 đồng. Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**. Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công an tỉnh T là ông Phạm Văn T1 trình bày:*

Thời điểm năm 1989, ông T1 công tác tại Đại đội mục tiêu, làm nhiệm vụ canh gác, ông không biết, cũng không nghe nói về việc Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T mượn tiền của ông Đinh Văn T;

Ông được Giám đốc Công an tỉnh T ủy quyền đến dự phiên hòa giải và phiên tòa ông thống nhất theo nội dung Công văn số 1225/CAT-TM ngày 14/9/2020 trả lời thông báo thụ lý số 158/TR-TLVA ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho của Giám đốc Công an tỉnh T đã đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T vì qua kết quả xác minh:

Không có tài liệu chứng minh Ban Giám đốc C (nay là Phòng C) hợp tác kinh doanh với ông Đinh Văn T;

Không có tài liệu phản ánh việc Phòng Cảnh sát Bảo vệ hợp tác, kinh doanh với ông Đinh Văn T;

Việc hợp tác kinh doanh giữa ông Đinh Văn T với ông Phan Thành S - Nguyên Trưởng Phòng Cảnh sát bảo vệ từ năm 1989 đến năm 1992 theo đơn trình bày của ông T. Ban Chỉ huy Phòng cảnh sát Bảo vệ thời điểm đó không biết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Ngọc Q trình bày:*

Ông Q và ông Đinh Văn T không có quen biết nhau mà chỉ gặp nhau một vài lần do ông Đinh Văn T đến cơ quan và ông Phan Thành S (lúc đó là Trưởng Phòng Cảnh sát Bảo vệ) có giới thiệu để giao lúa;

Vào đầu năm 1990, ông S có trao đổi với ông T ở thành phố Hồ Chí Minh về việc mua bán lúa. Sau đó, ông S chỉ đạo ông Q cùng ông Huỳnh Văn Đ (công tác chung tại đơn vị) đến xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp để nhận lúa và chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh giao cho ông Đinh Văn T, số lúa này do em ruột của ông S và mấy anh em bà con với ông S thu gom rồi bán lại. Sau khi giao lúa, ông T cho tạm ứng một số tiền và còn nợ lại một số tiền. Sau nhiều lần ông S điện gặp ông T đòi tiền lúa thì ông T và ông S đã thỏa thuận giao xi măng để trừ tiền lúa (xi măng do ông T tìm mối bán);

Sau đó, ông Q có nhận chỉ đạo của ông S đến gặp ông T để nhận tiền một vài lần nhưng không đủ số tiền là 467.235.000 đồng, một số lần khác do người trong đơn vị và người nhà ông S nhận (ông không nhớ rõ họ tên những người này). Số tiền ông Q nhận về ông có giao lại cho ông S và ông S có đưa lại cho ông Q một số để trả tiền nợ mua lúa ở Đồng Tháp. Số tiền lúa giao cho ông T và số tiền nhận quá lâu nên ông Q không nhớ rõ. Biên nhận giao lúa và biên nhận tiền của ông T đã giao lại cho ông S để ông S thanh toán việc mua bán lúa với ông T, việc thanh toán như thế nào ông Q không biết được, ông chỉ nghe ông T nói ông S còn nợ khoảng 230.000.000 đồng.

Đến năm 1992, ông Q không còn công tác hậu cần của đơn vị nữa và được điều chuyển sang đơn vị khác công tác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 171/2022/DSST, ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn T yêu cầu Công an tỉnh T phải trả cho ông T số tiền Phòng cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T còn nợ là 231.869.000 đồng (Hai trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Đinh Văn T.

Ngoài ra bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự;

Ngày 24/10/2022, nguyên đơn ông Đinh Văn T kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Đinh Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

Bị đơn Công an tỉnh T đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn T1 đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn T;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Đinh Văn T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật, Tòa án nhận định:

[1]. Xét quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hạn kháng cáo, sự có mặt, vắng mặt của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T thì vụ án thuộc quan hệ pháp luật tranh chấp "Đòi tài sản" được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân Sự . Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Căn cứ vào đơn kháng cáo ngày 24/10/2022 của ông Đinh Văn T thì ông Đinh Văn T kháng cáo trong thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Xét trong quá trình thụ lý vụ án và chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân Sự, vụ án được tiến hành xét xử theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn T về việc sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chứng cứ đương sự cung cấp:

Lời trình bày của ông Đinh Văn T: Khoảng tháng 8/1989, Phòng C - Công an tỉnh T có 02 tàu cá khai thác hải sản vi phạm Hải phận M và bị bắt giữ. Khi Bộ N2 xác minh thì 02 tàu cá của Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T được giao trả và phải chịu nộp phạt là 100.000 USD;

Số tiền này, Bộ N2 đã ứng trả trước nên ông Phan Thành S (Trưởng Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T) đã mang theo bức điện khẩn và nhờ ông Đinh Văn T giúp đỡ cho Phòng C - Công an tỉnh T cho mượn số tiền là 467.235.000 đồng, ông Lại Ngọc Q là người nhận tiền;

Sau đó, Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T có trả cho ông T bằng lúa là 588.415kg, thành tiền là 235.366.000 đồng, còn nợ lại 231.869.000 đồng;

Hai bên có đối chiếu công nợ do Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an tỉnh C xác định theo Bản kết luận số 75 ngày 01/7/1991.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là Công an tỉnh T trình bày: Thời điểm năm 1989 ông công tác tại Đại đội mục tiêu, làm nhiệm vụ canh gác, ông T1 không biết, cũng không nghe nói về việc Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T mượn tiền của ông Đinh Văn T;

Đồng thời qua biên bản làm việc của Thanh tra Công an tỉnh T với những cán bộ và Lãnh đạo Phòng Cảnh sát bảo vệ Công an T vào thời điểm năm 1989 đến năm 1995 như ông Phạm Văn N1, ông Trần Minh T2, ông Hà Ngọc S1, ông Lại Ngọc Q trình bày thì không biết việc Ban giám đốc Công an tỉnh T cho Phòng Cảnh sát Bảo vệ kinh doanh tư nhân, ông S cũng không bàn bạc hay trao đổi gì với Ban Lãnh đạo Phòng Cảnh sát Bảo vệ về việc làm ăn kinh tế với ông T;

[2.2]. Xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp:

Kết luận điều tra số 75 ngày 01/7/1991 của Phòng cảnh sát điều tra công an tỉnh V có nhận định "hiện nay Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T còn nợ lại ông Đinh Văn T số tiền 231.869.000 đồng" và xác định việc làm ăn giữa Phòng C - Công an tỉnh T với ông T không có làm hợp đồng;

Như lời trình bày đây chỉ là thỏa thuận miệng giữa ông S và ông T, không có văn bản chứng minh Ban lãnh đạo Công an tỉnh T chỉ đạo xác lập hợp đồng với ông T.

Xét việc ông Đinh Văn T trình bày vào tháng 8/1989 có cho Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T mượn số tiền 467.235.000 đồng để trả lại Bộ N2 số tiền đã chuộc 02 tàu cá do vi phạm Hải phận Mã Lai bị bắt giữ theo bức điện khẩn mà ông Phan Thành S, chức vụ trưởng Phòng Cảnh sát Bảo vệ đưa cho ông T xem để mượn số tiền nêu trên. Sau đó, Phòng Cảnh sát bảo vệ có trả cho ông T được 588.415kg lúa thành tiền là 235.366.000 đồng, còn nợ lại 231.869.000 đồng;

Ông T trình bày hai bên đã đối chiếu công nợ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh C (Nay là Công an tỉnh V). Tài liệu ông T cung cấp là bản sao kết luận điều tra số 75 ngày 01/7/1991, ông T cho rằng hiện nay Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T còn nợ lại ông Đinh Văn T số tiền 231.869.000 đồng và

xác định việc làm ăn giữa Phòng C - Công an tỉnh T với ông T không có làm hợp đồng;

Tuy nhiên ông T không đưa ra được chứng cứ là công điện khẩn mà ông S đưa ra để mượn tiền của ông và tài liệu thể hiện đã đối chiếu công nợ số tiền đã trả sau đó, số tiền còn nợ lại; Ông T cũng không có căn cứ nào chứng minh Ban Giám đốc Công an tỉnh T - Công an tỉnh T hợp tác kinh doanh với ông T.

Mặc khác những cán bộ và Ban lãnh đạo từ thời điểm năm 1989 đến năm 1992 cũng không biết việc Ban Giám đốc Công an tỉnh T - Công an tỉnh T làm ăn kinh tế bên ngoài;

Việc giao dịch cho mượn tiền giữa ông Đinh Văn T và Phan Thành S thì ông T cũng không có căn cứ chứng minh Ban lãnh đạo Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T đồng ý cho ông S thay mặt Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T mượn tiền của ông Đinh Văn T.

Đối với lời trình bày của ông Lại Ngọc Q thì ông Q có nhận chỉ đạo trực tiếp của ông S đến gặp ông T để nhận tiền một vài lần nhưng không đủ số tiền là 467.235.000 đồng, một số lần khác do người trong đơn vị và người nhà ông S nhận;

Sau khi giao lúa, ông T cho tạm ứng một số tiền và còn nợ lại một số tiền. Sau nhiều lần ông S điện gặp ông T đòi tiền lúa thì ông T và ông S đã thỏa thuận giao xi măng để trừ tiền lúa (xi măng do ông T tìm mối bán). Biên nhận giao lúa và biên nhận tiền của ông T đã giao lại cho ông S để ông S thanh toán việc mua bán lúa với ông T, việc thanh toán như thế nào ông không biết được, ông chỉ nghe ông T nói ông S còn nợ khoảng 230.000.000 đồng;

Lời trình bày của ông Lại Ngọc Q cũng không có căn cứ chứng minh Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T phải có trách nhiệm thanh toán nợ cho ông T.

Tại nội dung trích lục bản án hình sự số 40/HS-ST ngày 5-6/10/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long nhận định dành quyền khởi kiện cho ông T và gia đình ông T ở vụ kiện khác, để kiện các đơn vị còn nợ ông T như: Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T, Công ty D. Đây là nhận định về quyền khởi kiện vụ án dân sự của ông T, còn Phòng Cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T có nợ ông T hay không thì ông T phải có nghĩa vụ chứng minh đối với yêu cầu của ông T.

Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định thu thập chứng cứ tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long cũng như thu thập chứng cứ tại Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không thu thập được chứng cứ trong hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm theo bản án hình sự sơ thẩm số 40/HS-ST ngày 5-6/10/1992 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long để xác định Phòng cảnh bảo vệ - Công an tỉnh T phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông T.

Vì thế lời trình bày và các căn cứ mà người đại diện theo ủy quyền của ông T đưa ra không đủ cơ sở xác định Phòng cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T nợ tiền ông Đinh Văn T cho nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn T.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Văn T là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân Sự;

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân Sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử: 1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Văn T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 171/2022/DSST, ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang;

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn T yêu cầu Công an tỉnh T phải trả cho ông T số tiền Phòng cảnh sát Bảo vệ - Công an tỉnh T còn nợ là 231.869.000 (hai trăm ba mươi mốt triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Đinh Văn T.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đinh Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 15 phút ngày 17/5/2023, có mặt ông T1, các đương sự khác vắng mặt.

***. Nơi nhận**:*
Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thành phố Mỹ Tho;
- THADS thành phố Mỹ Tho;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Vĩnh Hữu